

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 232/1998/QĐ-TTg ngày 01/12/1998 về việc sửa đổi khoản 1 và 2 Điều 1 Quyết định số 173/1998/QĐ-TTg về nghĩa vụ bán và quyền mua ngoại tệ của Người cư trú là tổ chức.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tại khoản 1 và 2 Điều 1 Quyết định số 173/1998/QĐ-TTg ngày 12 tháng 9 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ quy định Người cư trú là tổ chức phải bán ngoại tệ cho các Ngân hàng được phép trong thời hạn 15 ngày làm việc, nay sửa đổi lại là: Người cư trú là tổ chức phải bán ngoại tệ cho các Ngân hàng được phép ngay khi ngoại tệ được chuyển hoặc nộp vào tài khoản ngoại tệ của Tổ chức đó mở tại Ngân hàng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Quyết định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 233/1998/QĐ-TTg ngày 01/12/1998 về việc phân cấp, ủy quyền cấp giấy phép đầu tư đối với các dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 12 tháng 11 năm 1996;

Căn cứ Nghị định số 12/CP ngày 18 tháng 2 năm 1997 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Nghị định số 10/1998/NĐ-CP ngày 23 tháng 1 năm 1998 của Chính phủ về một số biện pháp khuyến khích và bảo đảm hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân cấp cấp giấy phép đầu tư đối với các dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 12 tháng 11 năm 1996 cho các Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Ủy ban nhân dân tỉnh), trừ các Ủy ban nhân dân tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phân cấp cấp giấy phép đầu tư nước ngoài tại Quyết định số 386/TTg ngày 7 tháng 6 năm 1997 và Quyết định số 41/1998/QĐ-TTg ngày 20 tháng 2 năm 1998.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh nêu tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm tổ chức việc tiếp nhận hồ sơ dự án, thẩm định và cấp giấy phép đầu tư cho các dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài đầu tư tại địa phương nói tại Điều 3 của Quyết định này.

Điều 3. Các dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép đầu tư phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Phù hợp với quy hoạch phát triển vùng kinh tế, quy hoạch phát triển ngành kinh tế - kỹ thuật, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đã được duyệt.

2. Có quy mô vốn đầu tư từ 5 triệu đô la Mỹ trở xuống, trừ những dự án quy định tại Điều 4 Quyết định này.

3. Có tỷ lệ xuất khẩu sản phẩm đáp ứng quy định do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành trong từng thời kỳ.

4. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, bên nước ngoài hợp doanh tự đảm bảo nhu cầu về tiền nước ngoài.

5. Thiết bị, máy móc và công nghệ phải đáp ứng các quy định hiện hành; trường hợp không đáp ứng các quy định đó phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật chấp thuận bằng văn bản trước khi cấp giấy phép đầu tư.

6. Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, an toàn lao động và phòng, chống cháy, nổ.

Điều 4. Không phân cấp cấp giấy phép đầu tư cho Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các dự án sau đây:

1. Các dự án thuộc nhóm A theo quy định tại Điều 93 Nghị định số 12/CP ngày 18 tháng 2 năm 1997 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

2. Các dự án thuộc lĩnh vực sau đây:

- Thăm dò, khai thác và dịch vụ dầu khí.
- Sản xuất điện.
- Xây dựng cảng biển, sân bay, đường quốc lộ, đường sắt.
- Xi măng, luyện kim, sản xuất đường, sản xuất rượu, bia, thuốc lá.

3. Các dự án trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, trừ trường hợp quy định tại Điều 11 Quyết định này.

Điều 5.

1. Hồ sơ dự án đầu tư được lập theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Việc thẩm định dự án được thực hiện theo quy định tại các Điều 83, 92, 94, 96 và 100 của Nghị định số 12/CP ngày 18 tháng 2 năm 1997 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến các Bộ, ngành về các vấn đề thuộc thẩm quyền của các Bộ, ngành mà chưa được quy định cụ thể.

Các Bộ, ngành được lấy ý kiến về dự án, kể cả trường hợp bổ sung, sửa đổi, có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh; quá thời hạn đó mà Bộ, ngành không có ý kiến bằng văn bản thì được coi như chấp thuận dự án.

3. Giấy phép đầu tư được soạn thảo theo mẫu thống nhất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh gửi bản gốc giấy phép đầu tư tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư và bản sao giấy phép đầu tư tới Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Thương mại, Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật.

Điều 6. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bổ sung, sửa đổi giấy phép đầu tư đối với các dự án đã được phân cấp cấp giấy phép đầu tư và cả các giấy phép đầu tư đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp trong phạm vi hạn mức vốn đầu tư được phân cấp.

Trường hợp do bổ sung, sửa đổi giấy phép đầu tư mà vượt quá hạn mức vốn đầu tư được phân cấp, thay đổi đối tác nước ngoài, thay đổi mục tiêu dự án, giảm tỷ lệ xuất khẩu, giảm tỷ lệ góp vốn pháp định của Bên Việt Nam so với quy định tại giấy phép đầu tư, chuyển hình thức liên doanh sang đầu tư 100% vốn nước ngoài thì phải được Bộ Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận bằng văn bản trước khi bổ sung, sửa đổi.

Quy định tại điều này cũng được áp dụng cho các Ủy ban nhân dân tỉnh đã được phân cấp cấp giấy phép đầu tư trước ngày ban hành Quyết định này.

Điều 7. Bộ Thương mại phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh đã được phân cấp cấp giấy phép đầu tư việc duyệt kế hoạch xuất nhập khẩu đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên hợp doanh, ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, trừ quy định tại Điều 11 Quyết định này.

Điều 8. Hàng quý, 6 tháng và hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp việc cấp giấy phép đầu tư, bổ sung, sửa đổi giấy phép đầu tư và gửi báo cáo tới Văn phòng Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 9. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục ủy quyền cho các Ban quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập thực hiện việc cấp, điều chỉnh, bổ sung, thu hồi giấy phép đầu tư nước ngoài đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao bao gồm cả việc điều chỉnh, bổ sung và thu hồi các giấy phép đầu tư nước ngoài mà Bộ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh đã cấp theo quy định tại Điều 11 Quyết định này. Quy định này cũng được áp dụng cho 10 Ban quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư ủy quyền. Hạn mức vốn đầu tư và các điều kiện của việc cấp, điều chỉnh, bổ sung, thu hồi giấy phép đầu tư thực hiện theo các quy định trong công văn số 07/KCN ngày 16 tháng 6 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ và quy định tại Điều 6 Quyết định này.

Điều 10. Việc ủy quyền cho các Ban quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh được thực hiện như sau:

Đối với khu công nghiệp, khu chế xuất, căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ trường hợp khu công nghiệp nằm trên địa bàn liên tỉnh) và Ban quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ra quyết định ủy quyền.

Đối với khu công nghệ cao thì căn cứ đề nghị

của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Ban quản lý khu công nghệ cao.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức tập huấn, hướng dẫn Ban quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh và Ban quản lý khu công nghệ cao được ủy quyền thực hiện đúng quy định hiện hành; ban hành các quy định cụ thể về tỷ lệ xuất khẩu sản phẩm để các Ủy ban nhân dân tỉnh và các Ban quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh chủ động trong việc thẩm định, cấp giấy phép đầu tư.

Điều 11. Trong thời gian Ban quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh chưa được ủy quyền thì Ủy ban nhân dân tỉnh đó đã được phân cấp cấp giấy phép đầu tư nước ngoài thực hiện việc xem xét cấp, điều chỉnh, bổ sung, thu hồi giấy phép đầu tư nước ngoài vào khu công nghiệp, khu chế xuất.

Điều 12. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan khác theo chức năng, nhiệm vụ quy định có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGÔ XUÂN LỘC

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 236/1998/QĐ-TTg ngày 03/12/1998 về các biện pháp cấp bách khắc phục hậu quả bão, lụt ở các tỉnh miền Trung.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;